

Số: 38 /TTr-CNDD

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 4 năm 2013

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí được thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2011.
- Căn cứ vào Quy chế Tài chính của Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty. Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán năm 2012.

Kính đề nghị Đại hội cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, GD, BKS
- Lưu VT, TCKT



NGUYỄN TRỌNG KHA

Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

K.Đ:350
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ QUAN QUẢN LÝ VÀ DẪN DẪN
DẦU KHÍ
T.BA RI

M.S.N
★
0

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 3-4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 6 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 7-27 |

18329
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP
DẦU KHÍ
VŨNG TÀU
C
D
I
/

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|----------|
| Ông Nguyễn Trọng Kha | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Đức Đông | Ủy viên |
| Ông Hồ Sỹ Hoàng | Ủy viên |
| Ông Mai Xuân Bình | Ủy viên |
| Ông Ngô Văn Tuy | Ủy viên |

Ban Giám đốc

| | |
|-----------------------|--|
| Ông Hồ Sỹ Hoàng | Giám đốc |
| Ông Hà Quốc Hải | Phó Giám đốc |
| Ông Lê Minh Hải | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Hải | Phó Giám đốc |
| Ông Phạm Mạnh Cường | Phó Giám đốc |
| Ông Nghiêm Trung Minh | Phó Giám đốc |
| Ông Ngô Văn Tuy | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 3 năm 2012) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

3 T
HƯ
TT
NAI
TP.

Số: 000 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 27. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Như trình bày tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn đã tồn đọng trên một năm kể từ thời điểm Công ty phát hành hóa đơn thanh toán giai đoạn, ghi nhận doanh thu với số tiền khoảng 31,6 tỷ đồng. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với khoản phải thu nói trên và dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập và các ảnh hưởng tới các khoản mục khác của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có hiệu lực tại Việt Nam.



Phạm Hoàn Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2011 | |
|---|------------|-------------|------------------------|--------------------------|
| | | | 31/12/2012 | (trình bày lại) |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150) | 100 | | 473.768.973.473 | 809.176.920.040 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 6 | -78.206.835.985 | 38.361.108.824 |
| 1. Tiền | 111 | | 23.206.835.985 | 38.361.108.824 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 55.000.000.000 | - |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 234.906.300.997 | 529.081.230.519 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | 7 | 222.691.525.743 | 479.144.059.048 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 5.476.490.834 | 9.802.726.214 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 8 | 15.772.404.422 | 49.168.565.259 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (9.034.120.002) | (9.034.120.002) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 157.618.609.100 | 216.933.784.162 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 157.618.609.100 | 216.933.784.162 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.037.227.391 | 24.800.796.535 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 299.734.874 | 1.203.673.549 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 19.232.337.869 |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 2.737.492.517 | 4.364.785.117 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260) | 200 | | 440.704.724.702 | 422.956.203.418 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 370.208.463.225 | 317.374.077.267 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 70.629.381.809 | 68.801.290.315 |
| - Nguyên giá | 222 | | 134.893.710.292 | 122.236.546.492 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (64.264.328.483) | (53.435.256.177) |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 11 | 299.579.081.416 | 248.572.786.952 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 15.543.898.546 | 35.890.000.000 |
| 1. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 12 | 15.890.000.000 | 35.890.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | 12 | (346.101.454) | - |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 54.952.362.931 | 69.692.126.151 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13 | 54.952.362.931 | 69.692.126.151 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 914.473.698.175 | 1.232.133.123.458 |

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|------------|-------------|------------------------|--------------------------|
| | | | | (trình bày lại) |
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 575.225.317.288 | 888.622.999.352 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 567.312.423.260 | 871.768.524.687 |
| 1. Vay ngắn hạn | 311 | 14 | 92.180.433.000 | 222.511.551.447 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | 15 | 126.371.508.880 | 351.174.032.345 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | 16 | 287.187.357.545 | 179.471.660.881 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 17 | 4.555.867.057 | 32.255.462.988 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 6.700.377.861 | 10.415.656.001 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 18 | 11.976.453.979 | 34.163.237.424 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 19 | 37.971.979.569 | 41.802.473.601 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 368.445.369 | (25.550.000) |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 7.912.894.028 | 16.854.474.665 |
| 1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | 380.687.103 |
| 2. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | 20 | 7.912.894.028 | 16.473.787.562 |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410) | 400 | | 330.288.527.529 | 332.232.182.156 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 21 | 330.288.527.529 | 332.232.182.156 |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 7.750.519.081 | 7.750.519.081 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 7.189.534.436 | 7.045.926.437 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 15.348.474.012 | 17.435.736.638 |
| C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | 22 | 8.959.853.358 | 11.277.941.950 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439) | 440 | | 914.473.698.175 | 1.232.133.123.458 |

Hoàn

Nguyễn Thị Hoàn
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Hoàng

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Hoàng

Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2012 | 2011 |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | | (trình bày lại) |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 24 | 846.312.881.021 | 1.651.895.150.986 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 91.740.306 | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | | 846.221.140.715 | 1.651.895.150.986 |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 25 | 769.868.609.741 | 1.508.338.333.117 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 76.352.530.974 | 143.556.817.869 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 27 | 4.847.316.375 | 9.103.039.819 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 28 | 22.513.903.877 | 32.059.908.831 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 21.380.695.452 | 32.059.908.831 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 1.395.548.883 | 2.265.744.912 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 44.755.019.101 | 56.936.220.729 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | 12.535.375.488 | 61.397.983.216 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 4.133.113.492 | 5.108.387.606 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 5.985.100.829 | 470.943.336 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | | (1.851.987.337) † | 4.637.444.270 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40) | 50 | | 10.683.388.151 | 66.035.427.486 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 29 | 3.150.086.001 | 16.121.748.898 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51) | 60 | | 7.533.302.150 | 49.913.678.588 |
| 16.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số | 61 | | (887.853.237) | 2.477.941.950 |
| 16.2. Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ | 62 | | 8.421.155.387 | 47.435.736.638 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 30 | | 1.581 |

Hoan

Nguyễn Thị Hoan
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Hoàng

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Hoàng

Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2011 | |
|--|-------|-------------------|-------------------|
| | | 2012 | (trình bày lại) |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 10.683.388.151 | 66.035.427.486 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 10.949.536.166 | 10.408.323.134 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 346.101.454 | 2.044.615.684 |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | (4.060.209.404) | (9.103.039.819) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 21.380.695.452 | 32.059.908.831 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 39.299.511.819 | 101.445.235.316 |
| - Biến động các khoản phải thu | 09 | 262.207.230.413 | (65.066.248.126) |
| - Biến động hàng tồn kho | 10 | 59.315.175.062 | 8.047.245.347 |
| - Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (139.292.953.328) | 14.274.286.105 |
| - Biến động chi phí trả trước | 12 | 17.745.027.938 | 1.131.006.524 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (22.597.011.324) | (31.313.207.980) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (10.110.688.400) | (13.886.445.942) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | - | 5.570.000.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (2.401.050.000) | (7.571.868.852) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 204.165.242.180 | 12.630.002.392 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (78.411.705.315) | (224.916.195.255) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 169.112.701 | - |
| 3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | (55.890.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 52.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 4.664.196.042 | 5.804.166.308 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (21.578.396.572) | (255.002.028.947) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 484.677.939.607 | 599.121.313.942 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (615.009.058.054) | (462.632.140.645) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông | 36 | (12.410.000.000) | (41.284.900.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (142.741.118.447) | 95.204.273.297 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 39.845.727.161 | (147.167.753.258) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 38.361.108.824 | 185.528.862.082 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 78.206.835.985 | 38.361.108.824 |

Hoan

Nguyễn Thị Hoan
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Hoàng

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc